

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÀ ÔN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 107/2020/QĐST-HNGĐ

Trà Ôn, ngày 15 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 111/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp P, xã P1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Trúc L, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp P, xã P1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 110 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Văn H và chị Phạm Thị Trúc L.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**2.1.** Về con chung: Anh H, chị L có 02 con chung tên Phạm Thị Cẩm L1, sinh ngày 25/3/2001 và Phạm Tuấn D, sinh ngày 11/10/2009.

**2.1.1.** Cháu Phạm Thị Cẩm L1, sinh ngày 25/3/2001 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

2.1.2. Giao cháu Phạm Tuấn D, sinh ngày 11/10/2009 cho chị Phạm Thị Trúc L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) đến khi con chung đủ 18 tuổi, (thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 12/5/2020). Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong tất cả các khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

**2.2.** Về tài sản chung: Anh Phạm Văn H và chị Phạm Thị Trúc L tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

**2.3.** Về nợ chung: Anh Phạm Văn H và chị Phạm Thị Trúc L không yêu cầu giải quyết.

**2.4.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.4.1. Nguyên đơn anh Phạm Văn H tự nguyện nộp số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn và nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0016021 ngày 17/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, anh H không phải nộp thêm.

2.4.2 Trả lại cho chị Phạm Thị Trúc L số tiền 1.772.500đ (*Một triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0016128 ngày 20/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Ủy ban nhân dân xã P1 (Theo GCN KH số 12, ngày 11/5/2001);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thu Nga**